

Bản án số: **676/2024/HNGĐ - ST**

Ngày: 05-8-2024;

“V/v tranh chấp: Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐÔNG ĐA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thu Hà.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. **Ông Nguyễn Hải Phùng;**
2. **Bà Nguyễn Thị Cờ.**

- Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Hồng Nhung** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đông Đa, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đông Đa, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: **Bà Phạm Hà Thanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đông Đa, Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 533/2024/TLST-HNGĐ ngày 25/6/2024 về Tranh chấp ly hôn; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 193/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 15/7/2024; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Đoàn Thị Ngọc L**, sinh năm 1991; Căn cước công dân số 089191000xxx; Đăng ký thường trú: xã Vĩnh Phú, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

Bị đơn: **Anh Chu Minh T**, sinh năm 1983; Đăng ký thường trú: Nguyễn Lương Bằng, phường Nam Đồng, quận Đông Đa, Hà Nội; Hiện thi hành án phạt tù tại Trại Giam Thanh Cẩm - Cục C10; Địa chỉ: Thanh Thủy, Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, văn bản trình bày của các đương sự, nội dung vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân:

Chị Đoàn Thị Ngọc L và anh Chu Minh T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Nam Đồng, quận Đông Đa, Hà Nội, ngày 04/11/2013.

Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống cùng gia đình nhà chồng tại phường Nam Đồng, quận Đông Đa, Hà Nội.

Trong thời gian chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn, bất đồng, cuộc sống chung không có hạnh phúc, nên năm 2014 chị L và con gái chuyển về An Giang sinh sống; anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay.

Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Anh T xác nhận trong thời gian chung sống không có hạnh phúc, chị L xin ly hôn, anh đồng ý.

- Con chung: Chị L, anh T đều xác nhận anh chị có 01 con chung là Chu Minh T1 (nữ), sinh ngày 22/9/2013; Hiện cháu T1 cư trú cùng chị L; Ly hôn, chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; Anh T đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con chung theo quy định pháp luật.

- Tài sản chung: Chị L, anh T đều xác nhận không có, chị L, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Chị L, anh T đều xác nhận không có.

Chị L hiện ở An Giang, do đường xá xa xôi, chị xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Anh T hiện đang thi hành án phạt tù nên không tham gia tố tụng tại Tòa được, anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa:

- Chị L vắng mặt. Chị L có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, chị giữ nguyên quan điểm: Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T và có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Anh T vắng mặt, anh T xác nhận đã nhận các văn bản do Tòa án gửi, anh đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt.

*** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:**

- Về tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án; đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị L, anh T đăng ký thường trú tại phường Nam Đồng, quận Đống Đa, Hà Nội; Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đống Đa.

- Về nội dung:

Sau khi phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 21, 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326: Về tình cảm: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L; Con chung: Giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng; tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T; Tài sản chung, nợ chung: Không xét; Án phí: Chị L phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Tố tụng:

- Thẩm quyền: Anh Chu Minh T đăng ký thường trú tại phường Nam Đồng, quận Đống Đa, Hà Nội; Chị L có đơn đề nghị Tòa án nhân dân quận Đống Đa giải quyết việc anh chị ly hôn là phù hợp pháp luật; Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Đống Đa thụ lý, giải quyết và xét xử là đúng thẩm quyền.

- Việc đương sự vắng mặt: Toà án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản của Toà án trong đó có quyết định đưa vụ án ra xét xử cho các đương sự trong vụ án; Chị L, anh T đều vắng mặt và đều có văn bản đề nghị Toà án xét xử vắng mặt; Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt các đương sự.

2. Nội dung:

2.1. Quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện chị L và anh T kết hôn tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Nam Đồng, quận Đống Đa, Hà Nội, ngày 04/11/2013; Căn cứ Điều 3, Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, xác nhận hôn nhân giữa chị L và anh T là hợp pháp.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày của đương sự, thấy: Chị L và anh T đều xác nhận anh chị sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay; Chị L xin ly hôn, anh T đồng ý ly hôn, anh, chị đều yêu cầu Toà án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, có nghĩa vụ sống chung với nhau (trừ trường hợp có thỏa thuận khác), cùng nhau xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc. Anh chị kết hôn và chung sống cùng nhau được 01 năm thì ly thân, mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau; Nhận thấy: Hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; Với điều kiện, hoàn cảnh của anh chị như hiện nay thì không có cuộc sống vợ chồng hạnh phúc; Cả chị L, anh T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án giải quyết ly hôn; Căn cứ Điều 55, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

2.2. Con chung: Căn cứ lời trình bày của các đương sự cùng các tài liệu có trong hồ sơ, đủ cơ sở xác nhận anh chị có 01 con chung là Chu Minh T1 (nữ), sinh ngày 22/9/2013. Chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh T đề nghị Toà án giải quyết việc nuôi con chung theo quy định.

Nhận thấy: Việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con trẻ; Từ nhỏ cho đến nay cháu T1 cư trú cùng chị L, hiện cháu khoẻ mạnh, phát triển bình thường, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ; hiện anh T đang chấp hành án nên không có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung; Do vậy, giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh hiện nay của anh chị và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu T1. Căn cứ Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con đối với anh T là phù hợp pháp luật.

2.3. Tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Chị L, anh T đều không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xét.

2.4. Nợ chung: Không có nên không xét.

3. Án phí: Chị L phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Chị L, anh T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Khoản 1 Điều 51; Điều 55, Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Điều 18, Điều 26, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đoàn Thị Ngọc L.

Chị Đoàn Thị Ngọc L được ly hôn anh Chu Minh T.

2. Con chung: Xác nhận chị Đoàn Thị Ngọc L và anh Chu Minh T có 01 con chung là Chu Minh T1 (nữ), sinh ngày 22/9/2013.

Giao chị Đoàn Thị Ngọc L trực tiếp nuôi dưỡng con chung; Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T cho đến khi đương sự có yêu cầu hoặc có quyết định pháp luật khác thay thế.

Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Tài sản chung (động sản, bất động sản): Chị L, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

4. Nợ chung: Chị L, anh T xác nhận không có nên không xét.

5. Án phí: Chị Đoàn Thị Ngọc L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 1396055 ngày 25/6/2024 (Theo Thông báo số 498 ngày 25/6/2024, mã thông báo QF6GH6QS8E). Chị L đã nộp đủ tiền án phí.

Chị L, anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa;
- Cơ quan Thi hành án quận Đống Đa;
- Lưu HS/VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thu Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

